

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 29/2020/HSST

Ngày: 04-5-2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Quách Đình Hoàng

Ông Nghiêm Thế Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Sứ, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hóa, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 52/2020/TLST – HS ngày 31 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Lê Việt C, Tên gọi khác: Không; sinh ngày 07 tháng 6 năm 1990 tại Hải Dương;

Nơi cư trú: Tổ 02, phường T N, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn M, sinh năm 1969 và bà Trần Thị C, sinh năm 1970; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Như H, sinh năm 1993, chưa có con; tiền án: Không; tiền sự: Không

Bị cáo Lê Việt C bị tạm giữ từ ngày 06-01-2020 đến ngày 15-01-2020, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam. Bị cáo hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Nguyễn Minh K, Tên gọi khác: Không; sinh ngày 08 tháng 10 năm 1992 tại Gia Lai;

Nơi cư trú: Tổ 02, phường T N, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn A, sinh năm 1964 và bà Trần Thị L, sinh năm 1969; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Tại bản án số 11/2010/HSST ngày 19-11-2010 bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xử phạt 36 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; chấp hành án tại

Trại giam Xuân Phước, Bộ Công an. Ngày 22-8-2013, chấp hành xong hình phạt tù.

- Tại bản án số 54/2014/HSST ngày 17-4-2014 bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; chấp hành án tại Trại giam Xuân Phước, Bộ Công an. Ngày 24-12-2014, chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo Nguyễn Minh K bị tạm giữ từ ngày 06-01-2020 đến ngày 15-01-2020, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam. Bị cáo hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Người tham gia tố tụng khác:

- Bị hại: Anh Vũ Đoàn N, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Tổ 7, phường T N, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Như H, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Tổ 02, phường T N, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bà Trần Thị L, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Tổ 02, phường T N, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Việt C và Nguyễn Minh K có quan hệ quen biết nhau. Khuya ngày 05/01/2020, C mang theo dụng cụ bẫy mèo và điều khiển xe máy biển số 81AA-000.30 đi trên địa bàn phường T N, TP.P để bắt mèo bán lấy tiền tiêu xài. Đến khoảng 02 giờ ngày 06/01/2020, khi đi qua số nhà 385 đường P V Đ, Tổ 7, phường T N, TP.P, C phát hiện có con chó Husky đang đi trên vỉa hè, nên nảy sinh ý định bắt trộm; đây là chó của anh Vũ Đoàn N (sinh năm 1992, trú Tổ 7, phường T Nhất, TP.P). C dừng xe, lấy sợi dây dù của dụng cụ bẫy mèo làm thòng lọng đi đến quàng vào cổ để bắt chó, nhưng không được. Lúc này, C gọi điện thoại rủ Nguyễn Minh K đến bắt trộm con chó Husky nói trên, thì K đồng ý. K điều khiển xe mô tô biển số 81B1-021.62 đến để trước khách sạn Duy Long (trên đường P V Đ, phường T N, TP.P), rồi đi bộ đến chỗ C đang ở gần đó. Khi thấy con chó Husky, K thống nhất với C cùng nhau bắt trộm về nuôi. C đưa cho K 01 sợi dây cáp nhỏ (loại cáp phanh xe máy); K lấy thêm 01 sợi dây kẽm đang cột trên trụ điện gần đó, nối với sợi dây cáp thành chiếc thòng lọng. Lúc này khoảng 03 giờ 30 phút ngày 06/01/2020, con chó Husky chạy về hướng phường Đồng Đa, nên C điều khiển xe máy biển số 81AA-000.30 chở K đi theo. Khi đến đoạn trước số nhà 570 đường P V Đ, Tổ 01, phường Đ Đ, TP.P, K dùng thòng lọng quàng vào cổ của con chó và dắt quay về hướng phường T N. Đến khoảng 04 giờ 20 phút cùng ngày, khi C đang điều khiển xe máy biển số 81AA-000.30 chở K dắt theo con chó Husky

vừa bắt trộm được đi đến ngã ba đường V K và P V Đ, thì bị lực lượng tuần tra của Công an phường T N phát hiện, đưa về trụ sở làm việc. Tại Công an phường T N, C và K đã khai nhận về hành vi trộm cắp cho chó Husky của anh N như nêu trên. Ngay sau đó, Công an phường T N tạm giữ con chó Husky mà C và K vừa bắt trộm được (chó màu nâu, đỏ, trắng; trọng lượng 22kg), đồng thời thu giữ của C 01 giỏ xách, 02 bộ quần áo, 05 bao tải, 01 dây thừng lọng bằng kim loại, xe máy biển số 81AA-003.00 và điện thoại di động hiệu Oppo F1; thu giữ của K 01 điện thoại di động hiệu Nokia và xe mô tô biển số 81B1-021.62.

Qua định giá, kết luận tại thời điểm bị chiếm đoạt, con chó Husky thuần chủng của anh Vũ Đoàn N có trị giá 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng).

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như những tình tiết nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 57/CT-VKS ngày 31 tháng 3 năm 2020, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Lê Việt C và Nguyễn Minh K về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Lê Việt C xử phạt bị cáo Lê Việt C mức án từ 9 tháng đến 1 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Minh K xử phạt bị cáo Nguyễn Minh K mức án từ 1 năm đến 1 năm 3 tháng tù.

Về vật chứng của vụ án:

Đối với xe mô tô biển số 81AA – 000.30, là phương tiện Lê Việt C sử dụng để đi trộm cắp tài sản của anh Vũ Đoàn N, qua điều tra xác định chiếc xe này là do chị Nguyễn Thị Như H là vợ của bị cáo C đứng tên đăng ký; việc C sử dụng xe làm phương tiện đi trộm cắp chó thì chị H không biết, đề nghị trả lại chiếc xe cho chị H.

Đối với điện thoại di động hiệu Oppo F1 là tài sản của C, bị cáo C đã sử dụng điện thoại này để liên lạc rủ Nguyễn Minh K đi trộm cắp tài sản cần tịch thu sung công.

Đối với xe mô tô biển số 81B1 – 021.62, là phương tiện Nguyễn Minh K sử dụng để đi trộm cắp tài sản cùng bị cáo Lê Việt C, qua điều tra xác định chiếc xe này là tài sản của bà Trần Thị L là mẹ của bị cáo K; việc K sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện đi trộm cắp chó thì bà L không biết, đề nghị trả lại chiếc xe cho bà L.

Đối với điện thoại di động hiệu Nokia là tài sản của K, K đã sử dụng điện thoại này để nhận cuộc gọi của Lê Việt C rủ đi trộm cắp cần tịch thu sung công.

Đối với một giỏ xách, hai bộ bẫy mèo, năm bao xác rắn và một dây thòng lọng bằng kim loại là các công cụ C sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

Về dân sự đã giải quyết xong, không đề cập đến.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng và các quyết định tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Đồng thời căn cứ vào bản Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 02/KL – HĐĐG ngày 09-01-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân thành phố P, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 03 giờ 30 phút ngày 06-01-2020, tại trước số nhà 570 đường P V Đ, thuộc Tổ 01, phường Đ Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai, Lê Việt C và Nguyễn Minh K đã lén lút bắt con chó Husky trị giá 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) của anh Vũ Đoàn N.

Các bị cáo Lê Việt C, Nguyễn Minh K là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc trộm cắp là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện đó là lỗi cố ý. Đây vụ án đồng phạm mang tính giản đơn, không có người chủ mưu, cầm đầu không có sự phân công vai trò cụ thể của từng bị cáo, tuy nhiên, Lê Việt C là người rủ rê, khởi xướng và cùng với Nguyễn Minh K thực hành tội phạm. Như vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Lê Việt C, Nguyễn Minh K đồng phạm về tội “Trộm cắp tài sản” tội danh và khung hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Đây là vụ án “Trộm cắp tài sản”, hành vi của các bị cáo được xác định là tội phạm ít nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự trị an xã hội.

[4] Để có mức án thỏa đáng, ngoài việc xem xét, tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội nêu trên thì còn phải xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ của bị cáo trong vụ án để quyết định hình phạt. Xét vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo như sau:

Đối với bị cáo Lê Việt C về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s Khoản 1; Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Tuy bị cáo C là người rủ rê, khởi xướng việc phạm tội nhưng bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên bị cáo chịu hình phạt nhẹ hơn so với bị cáo K là phù hợp.

Đối với bị cáo Nguyễn Minh K về nhân thân bị cáo có nhân thân xấu đã bị kết án hai lần về tội “Cướp giật tài sản” và “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s Khoản 1; Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo K tuy không phải là người khởi xướng, rủ rê nhưng tích cực cùng với bị cáo C thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có nhân thân xấu nên bị cáo K phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo C là phù hợp với bị cáo K.

[5] Căn cứ vào quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; căn cứ vào nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần lên cho các bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, như vậy mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay. Xét mức án đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với các bị cáo là phù hợp được Hội đồng xét xử chấp nhận ở mức khởi điểm của đề nghị.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ” nên các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Xét thấy các bị cáo không có tài sản riêng, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên HĐXX miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại tài sản đã bị chiếm đoạt, anh Vũ Đoàn N không yêu cầu bồi thường gì về dân sự và không có yêu cầu gì khác. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét quyết định trong bản án.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô biển số 81AA – 000.30, là phương tiện Lê Việt C sử dụng để đi trộm cắp tài sản của anh Vũ Đoàn N, qua điều tra xác định chiếc xe này là tài sản của chị Nguyễn Thị Như H là vợ của bị cáo C; việc C sử dụng xe làm phương tiện đi trộm cắp chó thì chị H không biết. Tại phiên tòa chị

H có yêu cầu được nhận lại chiếc xe để làm phương tiện đi lại. HĐXX trả lại chiếc xe cho chị H là phù hợp.

Đối với điện thoại di động hiệu Oppo F1 là tài sản của C, bị cáo C đã sử dụng điện thoại này để liên lạc rủ Nguyễn Minh K đi trộm cắp tài sản cần tịch thu sung công.

Đối với xe mô tô biển số 81B1 – 021.62, là phương tiện Nguyễn Minh K sử dụng để đi trộm cắp tài sản cùng bị cáo Lê Việt C, qua điều tra xác định chiếc xe này là tài sản của bà Trần Thị L là mẹ của bị cáo K; việc K sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện đi trộm cắp chó thì bà L không biết. Tại phiên tòa bà L có yêu cầu được nhận lại chiếc xe, HĐXX trả lại chiếc xe cho bà L là phù hợp.

Đối với điện thoại di động hiệu Nokia là tài sản của K, K đã sử dụng điện thoại này để nhận cuộc gọi của Lê Việt C rủ đi trộm cắp cần tịch thu sung công.

Đối với một giỏ xách, hai bộ bẫy mèo, năm bao xác rắn và một dây thòng lọng bằng kim loại là các công cụ C sử dụng để bắt trộm chó, mèo cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Việt C, Nguyễn Minh K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Việt C 9 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 06-01-2020.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Minh K 1 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 06-01-2020.

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, điểm c khoản 2, điểm a Khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Oppo F1 (màu hồng, điện thoại cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong); 01 điện thoại di động hiệu Nokia (màu xám, đen, điện thoại cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong).

Tịch thu tiêu hủy một giỏ xách, hai bộ bẫy mèo, năm bao xác rắn và một dây thòng lọng bằng kim loại.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị Như H 01 xe máy biển số 81AA – 000.30; số máy P39FMB855802; số khung: RRA0855802. Trả lại cho bà Trần Thị L 01 xe mô tô

biển số 81B1 – 021.62; số máy: KC26E1060260; số khung: RLHKC2608GY-37098.

(Tất cả theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 20-4-2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai và Chi cục thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai).

4. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử buộc bị cáo Lê Việt C, Nguyễn Minh K mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp. P;
- Công an Tp. P;
- Chi cục THADS Tp. P;
- Bị cáo, người bào chữa (nếu có);
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Thắm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nghiêm Thế Hùng

Quách Đình Hoàng

Nguyễn Thị Hồng Thắm

